

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Huế, tháng 08 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt	Ủy viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Thành	Ủy viên
Ông Lê Văn Vinh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Thành	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vinh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Số: 185/2015/AP - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 24 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên 2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị (đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn) vẫn đang trong quá trình kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành. Theo đó, giá trị chuyển nhượng, giá trị quyết toán đầu tư xây dựng của dự án và các khoản công nợ có liên quan sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty hoàn thành công việc kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư và được Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn chấp nhận.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2013-148-1

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1687-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.386.764.587	151.932.302.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.185.131.289	42.724.346.657
1. Tiền	111		8.185.131.289	32.724.346.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.358.072.178	93.870.794.045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	103.049.503.604	92.951.373.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		257.218.200	62.264.841
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.051.350.374	857.155.690
IV. Hàng tồn kho	140	7	29.808.817.956	14.272.023.285
1. Hàng tồn kho	141		29.808.817.956	14.272.023.285
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.034.743.164	1.065.138.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		536.506.266	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.498.236.898	1.065.138.715
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.599.729.816	21.777.782.274
II. Tài sản cố định	220		1.060.678.789	1.238.731.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.060.678.789	1.238.731.247
- Nguyên giá	222		33.762.732.814	33.762.732.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.702.054.025)	(32.524.001.567)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		177.000.000	177.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)	(177.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.539.051.027	20.539.051.027
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	8	20.539.051.027	20.539.051.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191.986.494.403	173.710.084.976

2

السجل رقم 1/15

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		79.179.106.834	60.944.065.642
I. Nợ ngắn hạn	310		79.179.106.834	60.944.065.642
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	66.438.237.125	46.370.115.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		120.003	13.113.845
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.277.336.363	1.551.567.893
4. Phải trả người lao động	314		2.815.406.737	5.430.819.876
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		417.415.499	163.703.621
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		109.092.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	9	5.922.058.018	5.945.642.518
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.199.441.089	1.469.102.283
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.807.387.569	112.766.019.334
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	112.807.387.569	112.766.019.334
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.247.126.428	16.745.647.573
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.418.399.955	1.418.399.955
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.941.861.186	6.401.971.806
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		320.098.589	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.621.762.597	6.401.971.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191.986.494.403	173.710.084.976

Huế, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Người lập



Trần Xuân Trung

Phụ trách kế toán



Trần Xuân Trung

Giám đốc



Hoàng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B02a- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	287.585.591.600	306.657.830.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	1.196.847.973	3.120.702.978
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		286.388.743.627	303.537.127.606
4. Giá vốn hàng bán	11	16	249.950.139.540	262.394.526.121
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.438.604.087	41.142.601.485
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		295.017.595	527.837.155
7. Chi phí tài chính	22		197.758.988	62.356.401
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	32.265.577
8. Chi phí bán hàng	25	17	27.166.112.211	30.883.386.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	8.481.073.325	8.950.499.039
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		888.677.158	1.774.196.980
11. Thu nhập khác	31	19	4.413.139.270	13.902.808.287
12. Chi phí khác	32	20	639.915.662	11.411.709.620
13. Lợi nhuận khác	40		3.773.223.608	2.491.098.667
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.661.900.766	4.265.295.647
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.040.138.169	954.306.497
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.621.762.597	3.310.989.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	517	473

Huế, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc






Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung

Hoàng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.661.900.766	4.265.295.647
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	178.052.458	222.315.614
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.330.421.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	197.758.988	30.090.824
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(295.017.595)	(519.110.155)
- Chi phí lãi vay	06	-	32.265.577
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.742.694.617	2.700.436.507
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.935.759.916)	(31.697.355.824)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.536.794.671)	1.102.253.275
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	16.803.102.878	16.282.142.150
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(536.506.266)	(399.205.626)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(32.265.577)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(530.496.417)	(427.492.799)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(760.055.556)	(7.170.766.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.743.815.331)	(19.642.254.694)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	295.017.595	519.110.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	295.017.595	519.110.155
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	13.915.769.418
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(22.850.627.658)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.094.690.000)	(2.061.171.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.094.690.000)	(10.996.030.230)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.543.487.736)	(30.119.174.769)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	42.724.346.657	80.130.098.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	4.272.368	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	33.185.131.289	50.010.923.803

Huế, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung

Hoàng Việt

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (Công ty Kinh doanh thạch cao xi măng thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam) theo Quyết định số 459/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 17/04/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101300 thay đổi lần 5 ngày 03/01/2012.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu được lưu hành, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Hiện tại cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TXM.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 30/6/2015, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng và các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

- Văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh tại Quảng Bình;
- Chi nhánh tại Hải Phòng;
- Chi nhánh tại Bim Sơn;
- Chi nhánh tại Quảng Trị;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng.

Áp dụng Chế độ kế toán mới

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 có thể không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả, các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	154.960.591	165.724.687
Tiền gửi ngân hàng	8.030.170.698	32.558.621.970
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u><u>33.185.131.289</u></u>	<u><u>42.724.346.657</u></u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	103.049.503.604	92.951.373.514
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	79.951.632.825	84.878.775.165
Các khoản phải thu khách hàng khác	23.097.870.779	8.072.598.349
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u><u>103.049.503.604</u></u>	<u><u>92.951.373.514</u></u>

Trong đó, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là bên liên quan của Công ty - là Công ty mẹ chiếm trên 51% vốn điều lệ.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	2.051.350.374	857.155.690
- Tạm ứng	118.490.129	69.319.209
- Ký cược, ký quỹ	1.424.739.000	509.336.600
- Phải thu khác	508.121.245	278.499.881
Dài hạn	-	-
Cộng	<u><u>2.051.350.374</u></u>	<u><u>857.155.690</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	Giá gốc (VND)	Giá gốc (VND)
Hàng đang đi trên đường	603.171.624	163.927.200
Nguyên liệu, vật liệu	677.460.086	735.047.163
Công cụ, dụng cụ	183.600	183.600
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	150.878.186	127.357.507
Hàng hoá	15.588.588.220	13.245.507.815
Hàng gửi bán	12.788.536.240	-
Cộng	<u>29.808.817.956</u>	<u>14.272.023.285</u>

Công ty không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá nên Ban Giám đốc Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30/06/2015.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị	20.539.051.027	20.539.051.027
Cộng	<u>20.539.051.027</u>	<u>20.539.051.027</u>

Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị với tổng giá trị đầu tư được phê duyệt 211,312 tỷ đồng đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng số 92A/BCC-TXM ngày 17/05/2011. Công ty đã thực hiện bàn giao dự án nêu trên cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn từ ngày 16/06/2011. Theo biên bản làm việc ngày 22/02/2012 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn thống nhất giá trị thanh toán đợt 1 là 156.042.246.508 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%) căn cứ theo tổng giá trị mà Công ty đã giải ngân cho dự án có đầy đủ chứng từ tại ngày 22/02/2012. Giá trị bàn giao đợt 2 là 12.021.402.812 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%). Giá trị chuyển nhượng và giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng của dự án hoàn thành và các khoản công nợ có liên quan sẽ được điều chỉnh sau khi dự án được kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và được Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn chấp nhận.

9. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.749.563.307	4.150.148.814
- Kinh phí công đoàn	39.401.772	37.117.402
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.133.092.939	1.758.376.302
Cộng	<u>5.922.058.018</u>	<u>5.945.642.518</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	19.807.146.794	10.657.982.150	2.818.122.050	479.481.820	33.762.732.814
Tại ngày 30/06/2015	19.807.146.794	10.657.982.150	2.818.122.050	479.481.820	33.762.732.814
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	18.638.379.877	10.657.982.150	2.763.049.024	464.590.516	32.524.001.567
Khấu hao trong kỳ	147.628.104	-	27.924.354	2.500.000	178.052.458
Tại ngày 30/06/2015	18.786.007.981	10.657.982.150	2.790.973.378	467.090.516	32.702.054.025
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	1.168.766.917	-	55.073.026	14.891.304	1.238.731.247
Tại ngày 30/06/2015	1.021.138.813	-	27.148.672	12.391.304	1.060.678.789

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 29.269.139.887 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 28.444.128.787 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	32.871.498.189	32.871.498.189	12.673.954.966	12.673.954.966
MCCOY (THAILAND) CO., LTD	14.178.557.250	14.178.557.250	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	19.388.181.686	19.388.181.686	33.696.160.640	33.696.160.640
Cộng	66.438.237.125	66.438.237.125	46.370.115.606	46.370.115.606
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Tổng công ty cơ khí xây dựng	3.441.541.256	3.441.541.256	3.441.541.256	3.441.541.256
Phải trả cho các đối tượng khác	5.703.470.540	5.703.470.540	5.703.470.540	5.703.470.540
Cộng	9.145.011.796	9.145.011.796	9.145.011.796	9.145.011.796

Phải trả người bán bên liên quan

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	32.871.498.189	32.871.498.189	12.673.954.966	12.673.954.966
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	555.627.270	555.627.270	-	-
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt nam	79.781.088	79.781.088	79.781.088	79.781.088
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	408.845.296	408.845.296	327.303.837	327.303.837

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	951.380.582	12.467.706.731	13.272.048.486	147.038.827
Thuế Xuất nhập khẩu	-	31.382.708	31.382.708	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	530.496.417	1.040.138.169	530.496.417	1.040.138.169
Thuế thu nhập cá nhân	69.690.894	160.028.967	139.560.494	90.159.367
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.132.952.463	1.132.952.463	-
Thuế khác	-	8.500.000	8.500.000	-
Cộng	1.551.567.893	14.840.709.038	15.114.940.568	1.277.336.363

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
Tại ngày 01/01/2014	70.000.000.000	18.200.000.000	1.140.341.972	5.561.159.652	14.874.777.834	109.776.279.458
Lãi trong năm	-	-	-	6.401.971.806	-	6.401.971.806
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	278.057.983	(5.561.159.652)	1.870.869.739	(3.412.231.930)
Tại ngày 01/01/2015	70.000.000.000	18.200.000.000	1.418.399.955	6.401.971.806	16.745.647.573	112.766.019.334
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.621.762.597	-	3.621.762.597
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(6.081.873.217)	2.501.478.855	(3.580.394.362)
Tại ngày 30/06/2015	70.000.000.000	18.200.000.000	1.418.399.955	3.941.861.186	19.247.126.428	112.807.387.569

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 620/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2015 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau: chi trả cổ tức 2.100.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 2.501.478.855 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 1.280.394.362 đồng, trích quỹ thưởng ban điều hành 200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/06/2015</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	27.154.750.000	38,79%
Cộng	<u>70.000.000.000</u>	<u>100%</u>

Cổ phiếu

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Đô la Mỹ (USD)	10.757,87	10.448,76

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	283.787.678.054	300.709.563.539
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.797.913.546	5.948.267.045
Cộng	<u>287.585.591.600</u>	<u>306.657.830.584</u>

Doanh thu với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	163.940.987.568	183.250.915.111
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	3.797.913.546	5.910.830.681
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	8.271.638.952	3.791.201.400



CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.196.847.973	3.120.702.978
Cộng	1.196.847.973	3.120.702.978

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	246.151.553.854	256.703.733.533
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.798.585.686	5.690.792.588
Cộng	249.950.139.540	262.394.526.121

17. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng	27.166.112.211	30.883.386.220
Chi phí lương nhân viên	1.371.614.699	1.690.786.402
Chi phí vật liệu, bao bì	5.429.091	2.020.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	281.006.109
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	25.345.766.157	28.663.774.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.845.453	-
Chi phí khác bằng tiền	272.456.811	245.798.910
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.481.073.325	8.950.499.039
Chi phí lương nhân viên	4.968.167.218	5.254.283.078
Chi phí vật liệu quản lý	164.585.210	171.122.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.078.420	175.686.376
Thuế, phí và lệ phí	886.354.944	583.233.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	475.052.648	442.367.178
Chi phí khác bằng tiền	1.844.834.885	2.323.806.498
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	35.647.185.536	39.833.885.259

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.219.345.002	3.219.608.677
Chi phí nhân công	7.525.442.241	8.634.339.684
Chi phí khấu hao tài sản cố định	362.374.458	1.021.554.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.199.179.750	42.380.456.797
Chi phí khác bằng tiền	3.235.532.649	3.341.109.540
Cộng	50.541.874.100	58.597.068.927

VIET
 TRẠI
 HẠNH

3

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	2.346.011.729	2.065.519.416
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị	-	10.928.548.010
Thu nhập từ chênh lệch tạp chất	1.082.671.578	203.907.253
Thu nhập từ cho thuê nhà, kho bãi	125.455.637	109.746.540
Các khoản thu nhập khác	859.000.326	595.087.068
Cộng	4.413.139.270	13.902.808.287

20. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị	-	10.928.548.010
Chi phí khác	639.915.662	483.161.610
Cộng	639.915.662	11.411.709.620

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.661.900.766	4.265.295.647
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	66.000.000	72.461.156
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>66.000.000</i>	<i>72.461.156</i>
Thu nhập chịu thuế	4.727.900.766	4.337.756.803
Thuế suất	22%	22%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.040.138.169	954.306.497
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.040.138.169	954.306.497

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.621.762.597	3.310.989.150
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.621.762.597	3.310.989.150
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	517	473

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.185.131.289	42.724.346.657
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.982.363.849	93.739.209.995
Cộng	138.167.495.138	136.463.556.652
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	68.571.330.064	48.128.491.908
Chi phí phải trả	417.415.499	163.703.621
Cộng	68.988.745.563	48.292.195.529

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

2

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	234.898.091	223.655.708	17.630.538.648	4.189.507.695

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/6/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	68.571.330.064	-	-	68.571.330.064
Chi phí phải trả	417.415.499	-	-	417.415.499
Tại 01/01/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	48.128.491.908	-	-	48.128.491.908
Chi phí phải trả	163.703.621	-	-	163.703.621

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

3

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/6/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.185.131.289	-	-	33.185.131.289
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.982.363.849	-	-	104.982.363.849
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.724.346.657	-	-	42.724.346.657
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.739.209.995	-	-	93.739.209.995

24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan có giao dịch và số dư với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; Cổ đông chiếm 10% Vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Mua hàng

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	92.059.983.649	94.853.376.394
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	808.376.189	2.140.324.780
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	1.905.102.153	2.959.851.920

Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	109.092.000	109.092.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	50.157.156	19.845.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	2.849.903.933	13.567.510.494
- TN từ chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị	-	10.928.548.010
- Thu nhập từ cước bốc xếp xi măng, vỏ bao	503.892.204	593.288.068
- Khuyến mại nhận được	2.346.011.729	2.045.674.416

3

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Cổ tức**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.075.357.000	1.075.357.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	210.000.000	210.000.000
	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND

Phải trả khác

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	598.716.150	287.636.847
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	1.228.866.725	1.228.866.725

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015 được phân loại lại từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 nhằm đảm bảo có thể so sánh và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	136	278.499.881	857.155.690	578.655.809
Tài sản ngắn hạn khác	155	578.655.809	-	(578.655.809)
Cộng		857.155.690	857.155.690	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	14.051.298.334	-	14.051.298.334
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.694.349.239	-	2.694.349.239
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	16.745.647.573	(16.745.647.573)
Cộng		16.745.647.573	16.745.647.573	-

3

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo kết quả kinh doanh		Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2014	Ảnh hưởng
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2014	
		VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	307.428.887.441	306.657.830.584	(771.056.857)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	304.308.184.463	303.537.127.606	(771.056.857)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	41.913.658.342	41.142.601.485	(771.056.857)
Chi phí bán hàng	25	31.654.443.077	30.883.386.220	(771.056.857)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.774.196.980	1.774.196.980	-

Huế, ngày 15 tháng 08 năm 2015

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung

Hoàng Việt

